

CHỈ THỊ
Về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, Văn bản số 6555/BKHĐT-TH ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước tỉnh quản lý triển khai việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo các nội dung như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Căn cứ các Nghị quyết của Trung ương; các Nghị quyết của Chính phủ, các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2025-2030 của địa phương; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính 05 năm địa phương giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; các Quy hoạch; trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2021, 2022, 2023, ước thực hiện năm 2024 và dự kiến kế hoạch năm 2025, các sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước tỉnh quản lý trên địa bàn đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; trong đó yêu cầu tập trung vào các nội dung cụ thể sau:

1. Bối cảnh, việc quản lý, triển khai và chấp hành quy định của pháp luật, chủ trương của Quốc hội, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh về đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025. Đánh giá việc ban hành văn bản, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn trong quản lý đầu tư công của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 theo ngành, lĩnh vực, chương trình, nhiệm vụ, dự án theo từng nguồn vốn, bao gồm vốn ngân sách nhà nước và vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (nếu có).

3. Tình hình thực hiện, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công các năm 2021, 2022, 2023, ước thực hiện năm 2024, dự kiến kế hoạch năm 2025 theo từng nguồn vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án, cụ thể:

a) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản; xác định số nợ đọng xây dựng cơ

bản phát sinh trước và từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 nhưng chưa được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để hoàn trả (nếu còn).

b) Thu hồi vốn ứng trước đến hết giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định; xác định số dư vốn ứng trước còn lại phải bố trí vốn thu hồi trong giai đoạn 2026-2030 (nếu còn).

c) Triển khai thực hiện các dự án trọng điểm, đường ven biển, dự án; dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

d) Thực hiện các dự án sử dụng vốn từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách địa phương năm 2021, 2022, 2023, dự phòng ngân sách địa phương hằng năm (nếu có).

đ) Xác định danh mục dự án và kế hoạch đầu tư công chi tiết theo từng nguồn vốn tương ứng, cụ thể: Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa bố trí đủ vốn kế hoạch hằng năm (chi tiết số vốn giao và giải ngân hằng năm); Danh mục dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2025 theo tiến độ; Danh mục dự án đã được giao kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa được giao kế hoạch đầu tư công hằng năm (không bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư); Danh mục dự án sử dụng vốn nước ngoài đã ký Hiệp định hoặc thoả thuận tài trợ, đã được gia hạn Hiệp định vay hoặc thoả thuận tài trợ nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Danh mục dự án sử dụng vốn nước ngoài có Hiệp định vay hoặc thoả thuận tài trợ hết thời hạn trước 31 tháng 12 năm 2025 nhưng vẫn còn thời hạn báo cáo chi tiêu hoàn chứng từ theo quy định của nhà tài trợ.

e) Tình hình thực hiện kế hoạch, quản lý, sử dụng vốn đầu tư công cho nhiệm vụ cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có).

g) Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: báo cáo cụ thể nguồn thu được để lại theo quy định của pháp luật bố trí cho đầu tư; tình hình phân bổ, điều chỉnh, thực hiện, giải ngân vốn cho các nhiệm vụ, dự án (nếu có).

h) Đối với vốn ngân sách cấp huyện, xã quản lý, đề nghị các địa phương báo cáo rõ số vốn cấp huyện được địa phương giao hằng năm so với tổng số vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị, số vốn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; tình hình thực hiện các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp huyện, xã quản lý hằng năm cho đầu tư. Đánh giá nguồn và mức độ thu từ đất so với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đánh giá tình hình thực hiện cam kết bố trí vốn của cấp huyện đối với những dự án có sử dụng vốn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ.

4. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục

vụ cho đầu tư phát triển; tình hình thực hiện, giải ngân các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong giai đoạn 2021–2025, bao gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn của nhà đầu tư (nếu có).

5. Kết quả đạt được, hiệu quả đầu tư dự án, năng lực tăng thêm. Đánh giá tính khả thi và dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 theo từng nguồn vốn.

6. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc; Nguyên nhân (khách quan, chủ quan); Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Bài học kinh nghiệm; Đề xuất, kiến nghị (kể cả các giải pháp, kiến nghị về cơ chế chính sách cần triển khai trong thời gian còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra (nếu có)).

7. Đối với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG):

a) Chủ CTMTQG cấp tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh), UBND cấp huyện đánh giá:

- Kết quả xây dựng, ban hành, trình ban hành các cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình (bao gồm cả kết quả sửa đổi, bổ sung các văn bản theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền); Đánh giá việc áp dụng các quy định đặc thù; Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong triển khai thực hiện, quản lý các CTMTQG giai đoạn 2021-2025.

Đối với UBND cấp huyện, đánh giá tình hình tổ chức, thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15, các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý (đề nghị kiến nghị rõ cơ quan có thẩm quyền xử lý nếu có).

- Tình hình thực hiện, phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước bao gồm: ngân sách trung ương (vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên); vốn ngân sách địa phương (bao gồm cả bố trí vốn đối ứng) chi tiết đến dự án/tiểu dự án/ nội dung thành phần/công trình theo từng CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025.

- Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; các khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế; nguyên nhân (khách quan, chủ quan); bài học kinh nghiệm; trách nhiệm của các cấp, các ngành; đề xuất giải pháp, chính sách (nếu có).

- Kết luận của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra liên quan (nếu có) và kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra liên quan đến tổ chức thực hiện, sử dụng nguồn lực trong thực hiện các CTMTQG (nếu có).

Báo cáo của UBND cấp huyện gửi về các cơ quan chủ CTMTQG cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền. Trên cơ sở báo cáo của UBND cấp huyện, các cơ quan chủ CTMTQG cấp tỉnh báo cáo tổng hợp từng CTMTQG gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để

tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

b) Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư cấp tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Dân tộc, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Trường Cao đẳng Huế, Trường Phổ thông DTNT tỉnh) sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện các CTMTQG:

Đánh giá tình hình phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước, bao gồm: ngân sách trung ương (gồm vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên), vốn ngân sách địa phương (bao gồm cả bố trí vốn đối ứng) chi tiết đến dự án/tiểu dự án/nội dung thành phần/công trình của từng CTMTQG giai đoạn 2021-2025. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; Kết luận của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra liên quan (nếu có) và kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra liên quan đến tổ chức thực hiện, sử dụng nguồn lực trong thực hiện các CTMTQG (nếu có).

Báo cáo của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư cấp tỉnh gửi về các cơ quan chủ CTMTQG cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền. Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư cấp tỉnh, các cơ quan chủ CTMTQG cấp tỉnh báo cáo tổng hợp theo từng CTMTQG gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Tổng số vốn đầu tư công của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị.

2. Tình hình thực hiện, giải ngân vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình của các cơ quan, đơn vị.

3. Kết quả đạt được. Tính khả thi và khả năng hoàn thành các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình theo các mục tiêu, nhiệm vụ được giao. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện, trách nhiệm của cá nhân, tập thể. Bài học kinh nghiệm. Đề xuất giải pháp, kiến nghị (nếu có).

III. TRIỂN KHAI LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Mục tiêu và định hướng đầu tư công giai đoạn 2026 – 2030:

a) Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển phục vụ cho việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030.

b) Tập trung bố trí trọng tâm, trọng điểm để triển khai những nhiệm vụ, công trình, dự án lớn, mang tính biểu tượng, xoay chuyển tình hình và chuyển

trạng thái, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại; không bố trí vốn dàn trải, manh mún; đối với các địa phương, vốn đầu tư công được lập phù hợp với từng cấp chính quyền, từng cấp ngân sách, phạm vi địa giới hành chính và yêu cầu phát triển của các cấp địa phương. Số lượng dự án đầu tư vốn đầu tư công thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030 phải thấp hơn giai đoạn 2021 - 2025 định hướng khoảng 15% đến 20% tổng số lượng dự án; đề tập trung cho các dự án lớn, quan trọng và không mất nhiều thời gian làm thủ tục; chương trình, dự án có thời gian thực hiện trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn phải đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đầu tư công.

c) Tiếp tục ưu tiên các nguồn vốn đầu tư công ngân sách nhà nước cho xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn, điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các vùng kinh tế động lực, cực tăng trưởng.

d) Chỉ bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công, quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Quán triệt nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để dẫn dắt, khai thác tối đa các nguồn lực của các thành phần kinh tế khác; tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo phương thức đối tác công - tư để tập trung đầu tư phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, đặc biệt đối với các dự án có sức lan tỏa rộng và tác động lớn tới phát triển kinh tế; các dự án hạ tầng xã hội phục vụ cộng đồng dân sinh thuộc các ngành y tế, giáo dục, xã hội...

2. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030:

a) Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030; phù hợp với Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tỉnh, ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế khác, bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công.

b) Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 được cấp có thẩm quyền quyết định. Không bố trí vốn đầu tư công cho chương trình, nhiệm vụ, dự án không thuộc đối tượng đầu tư công, ngành, lĩnh vực đầu tư công theo quy định.

Tập trung đầu tư vào các công trình, dự án lớn, quan trọng, mang tính lan

tỏa cao, có tính liên vùng, liên tỉnh, liên huyện, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, kiên quyết khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải, kém hiệu quả.

c) Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với các mục tiêu, định hướng phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030; chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên, các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030; không bố trí vốn dàn trải, manh mún; tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình (bao gồm CTMTQG), dự án quan trọng, dự án trọng điểm, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo an ninh nguồn nước, chuyển đổi xanh; thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu còn), thu hồi dứt điểm số dư vốn ứng trước phải thu hồi theo quy định; các khoản vốn vay của ngân sách địa phương.

d) Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư từ kế hoạch năm 2025 và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030, vốn để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

đ) Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật gắn với đề cao trách nhiệm và kiểm tra, giám sát; giảm thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư công, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

3. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030:

Trên cơ sở các quy định tại Luật Đầu tư công, các mục tiêu, định hướng, nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 quy định tại điểm 1 và 2 Mục III, các sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước tinh quản lý trên địa bàn rà soát, dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo từng nguồn vốn trong từng ngành, lĩnh vực cho nhiệm vụ, chương trình, dự án theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán hết số nợ đọng xây dựng cơ bản (phát sinh trước ngày 01/01/2015) theo quy định của Luật Đầu tư công (nếu còn);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả hết số vốn ứng trước kế hoạch (nếu còn);

c) Phân bổ đủ vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (chưa hoàn thành trong kỳ kế hoạch);

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, rà soát, điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

đ) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư (làm rõ vốn chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030, vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031 - 2035);

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

g) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ,

IV. PHÂN CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Căn cứ Chỉ thị này để chủ trì hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương việc triển khai thực hiện.

- Khẩn trương thực hiện rà soát, tổng hợp nhu cầu vốn, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2026 – 2030, báo cáo tham mưu UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo đúng thời gian quy định (**trước ngày 30/9/2024 và trước ngày 30/6/2025**).

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình UBND tỉnh các biện pháp cần thiết xử lý đối với các tồn tại của các dự án sử dụng vốn đầu tư công trong giai đoạn 2021- 2025.

2. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định nguồn thu và cân đối thu chi ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030, trong đó bảo đảm chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách địa phương ở mức hợp lý; các cân đối tài chính có liên quan trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) **trước ngày 09 tháng 9 năm 2024**.

- Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 1 Mục này.

3. Các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố, chủ CTMTQG cấp tỉnh, chủ đầu tư và doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn:

- Nghiêm túc thực hiện Chỉ thị này và các Văn bản hướng dẫn có liên quan, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo quy định.

- Căn cứ quy định tại Luật Đầu tư công, Chỉ thị này và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện rà soát, tổng hợp nhu cầu vốn, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính **trước ngày 11 tháng 9 năm 2024**.

4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện theo tiến độ quy định tại Luật Đầu tư công và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư, đảm bảo việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 có chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả. Quá trình triển khai thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc, kịp thời phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để được hướng dẫn, xử lý theo quy định. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì theo dõi, đôn đốc và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện Chỉ thị./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT và UV UBND tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế;
- Các BQLDA của huyện, thị xã, thành phố Huế;
- Các chủ đầu tư;
- Các Doanh nghiệp Nhà nước;
- Công TTĐT tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, XDCB.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình